

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2019

Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hương Diệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Ông Lê Bá Quyền.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Bô Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 14-5-2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Xuân Th, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 12-4-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trương Xuân Th quen biết và tìm hiểu nhau từ năm 1999; đến năm 2010, chị T và anh Th chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01-2010 ngày 02-6-2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh Th sinh sống tại tỉnh Bình Dương. Chị T làm nghề kế toán, còn anh Th làm nghề kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng. Trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng chị T và anh Th không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc anh Th không lo làm ăn, thường có hành vi đập phá tài sản trong gia đình, đánh chị T. Hiện nay,

vợ chồng chị T đã sống ly thân. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, đời sống chung không thể tiếp tục nên chị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Th.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, chị T và anh Th có 01 con chung tên Trương Xuân K, sinh ngày 25-9-2012. Cháu K hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung. Về phần cấp dưỡng: Chị T thay đổi yêu cầu cấp dưỡng, chị T yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung Trương Xuân K, sinh ngày 25-9-2012 với mức 1.500.000 đồng/tháng, đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh của Trương Xuân K (bản sao); Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị Trần Thị T và anh Trương Xuân Th (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao).

*Bị đơn anh Trương Xuân Th vắng mặt, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Bị đơn anh Trương Xuân Th được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trương Xuân Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01-2010 ngày 02-6-2010, là hôn nhân hợp pháp.

[2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo lời trình bày của chị T trong thời gian chung sống, giữa chị T và anh Th phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th không lo làm ăn, có lời lẽ xúc phạm chị T, có hành vi đập phá tài sản trong gia đình và đánh chị T. Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập anh Th tham gia tố tụng nhưng anh Th vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày trước yêu cầu khởi kiện của chị T. Việc anh Th vắng mặt không có lý do, là tự từ bỏ

quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nghĩa vụ chứng minh của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Th là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc ly hôn với anh Th.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh Th có 01 con chung tên Trương Xuân K, sinh ngày 25-9-2012. Hiện cháu Kiên đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy, việc giao cháu Kiên cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị T yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bút lục 35b) thì anh Trương Xuân Th hiện là Chủ tịch hội đồng thành viên của công ty TNHH Đ, việc chị T yêu cầu anh Th cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng, đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Căn cứ:**

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T như sau:
  - 1.1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trương Xuân Th.
  - 1.2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trương Xuân K, sinh ngày 25-9-2012 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trương Xuân Th phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con

khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036780 ngày 10-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trương Xuân Th phải chịu 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo : Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA dân sự thị xã Tân Uyên;
- UBND xã Thạch Khê, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Hương Diệp**

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hương Diệp**

